

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

Mặt ngoài hộp

Nhãn hộp 1 vỉ x 1 viên: 70 x 70 x 8 mm.

Mặt trong hộp

Manufactured by PHARMEDIC in compliance with GMP-WHO norms: 1/57 Nguyễn Văn Quai St., Dist. 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

Reg. No.:
SPECIFICATION: Manufacturer's
DO NOT STORE OVER 30°C.
FOR MORE INFORMATION, CONSULT YOUR PHYSICIAN.
READ THE LEAFLET CAREFULLY BEFORE USE.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

SBK:
TIÊU CHUẨN: TCOS
BẢO QUẢN Ở NHIỆT ĐỘ KHÔNG QUÁ 30°C.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC KHI DÙNG.
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

Hộp 1 vỉ x 1 viên nhai.
Box of 1 blister x 1 chewable tablet.

Albefar
Albendazole 400mg

THUỐC TRỊ GIUN

CTCP DPDL PHARMEDIC: 367 Nguyễn Trãi, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
PHARMEDIC JSC: 367 Nguyễn Trãi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Handwritten signature

CÔNG THỨC
- Albendazole 400 mg
- Tá dược vừa đủ 1 viên nhai

CHỈ ĐỊNH
- Trị giun đũa (Ascaris lumbricoides), giun kim (Enterobius vermicularis), giun móc (Necator americanus), giun tóc (Trichuris trichiura)
- Trị giun lươn (Strongyloides stercorarius).

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG
- Trị giun đũa, giun kim, giun móc, giun tóc:
• Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi: 1 liều duy nhất 400mg
• Trẻ em 1-2 tuổi: 1 liều duy nhất 200mg
- Trị giun lươn:
• Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi: 400mg/lần/ngày, trong 3 ngày liên tiếp
• Trẻ em 1-2 tuổi: 1 liều duy nhất 200mg/lần/ngày, trong 3 ngày liên tiếp
LƯU Ý: Viên thuốc có thể được nhai hoặc uống với nước. Không cần phải nhịn đói và uống thuốc xổ. Nếu 3 tuần sau khi điều trị đợt đầu, thử phân còn dương tính có thể điều trị đợt hai.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH
- Dùng với bất cứ thành phần nào của thuốc
- Người bệnh có tiền sử nhiễm độc tủy xương
- Phụ nữ có thai.

COMPOSITION
- Albendazole 400 mg
- Excipients đủ 1 viên nhai

INDICATIONS
- Treatment of Roundworm (Ascaris lumbricoides), Pinworm (Enterobius vermicularis), Hookworm (Necator americanus), Whipworm (Trichuris trichiura)
- Treatment of Threadworm (Strongyloides stercorarius).

DOSAGE AND ADMINISTRATION
- In the treatment of Roundworm, Pinworm, Hookworm, Whipworm:
• Adults and children over 2 years: 400mg as a single dose.
• Children 1-2 years: 200 mg as single dose.
- In the treatment threadworm:
• Adults and children over 2 years: 400 mg once daily, for consecutive 3 days
• Children 1-2 years: 200 mg once daily, for consecutive 3 days.
The tablets can be chewed or swallowed with water. No special procedures, eg fasting or purging, are required. If the patient is not cured after 3 weeks (by identifying parasites in the faeces), a second course of treatment is indicated.

CONTRAINDICATIONS
- Hypersensitivity to any of components of the drug
- Patients with a history of bone marrow toxicity
- Pregnant women

Mẫu vỉ bấm 1 viên
61 x 45 mm

Albefar
Albendazole 400mg
SBK:

PHARMEDIC
CTCP DPDL PHARMEDIC
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Albefar
Albendazole 400mg
SBK:

PHARMEDIC
PHARMEDIC JSC
Ho Chi Minh city, Vietnam

HD

Số lô SX

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2011

KT, TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG



Nguyễn Thị Thúy Vân

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

Tờ hướng dẫn sử dụng.
Kích thước: 199 x 90 mm.

Mặt sau

Mặt trước

Albifar

chewable tablets



COMPOSITION

- Albendazole400 mg
- Excipients: Maize starch, Lactose, Povidone, Saccharin sodium, Vanillin, Magnesium stearate, Sodium lauryl sulfatesqf 1 chewable tablet.

INDICATIONS

- Treatment of Roundworm (Ascaris lumbricoides), Pinworm (Enterobius vermicularis), Hookworm (Necator americanus), Whipworm (Trichuris trichiura).
- Treatment of Threadworm (Strongyloides stercoralis).

DOSAGE AND ADMINISTRATION

- In the treatment of Roundworm, Pinworm, Hookworm, Whipworm:
 - Adults and children over 2 years: 400mg as a single dose.
 - Children 1-2 years: 200 mg as single dose.
 - In the treatment threadworm:
 - Adults and children over 2 years: 400 mg once daily, for consecutive 3 days.
 - Children 1-2 years: 200 mg once daily, for consecutive 3 days.
- The tablets can be chewed or swallowed with water. No special procedures, eg fasting or purging, are required. If the patient is not cured after 3 weeks (by identifying parasites in the faeces), a second course of treatment is indicated.

Contraindications

- Hypersensitivity to any of components of the drug.
- Patients with a history of bone marrow toxicity.
- Pregnant women.

PRECAUTIONS

- Patients with abnormal liver function.
- Patients with hematological diseases.

DRUG INTERACTIONS

Praziquantel increases the plasma levels of the Albendazole active metabolite.

USE IN PREGNANCY AND LACTATION

- Pregnancy: albendazole should not be used in pregnant women except in clinical circumstances where no alternative management is appropriate. Patient should not become pregnant for at least 1 month following cessation of albendazole therapy. If pregnancy occurs while taking this drug, the patient should be apprised of the potential hazard to the fetus and albendazole should be discontinued immediately.
- Lactation: the excretion of albendazole into breast milk is unknown, therefore, caution should be exercised when albendazole is administered to a nursing woman.

EFFECTS ON ABILITY TO DRIVE OR OPERATE MACHINERY: none

ADVERSE REACTIONS

Some symptoms may occur very rarely: epigastric pain, nausea, vomiting, diarrhoea, headache, rashes. These symptoms disappear when discontinuing the treatment.

- * Contact your physician if you experience any adverse reactions while using this medicine.

OVERDOSAGE

In case of overdosage, symptomatic therapy (gastric lavage) and general supportive measures should be undertaken

PHARMACODYNAMICS

Albendazole is a benzimidazole carbamate. It exerts anthelmintic effect by inhibiting the glucose absorption of the helminth, disrupting helminth metabolism and killing the helminth.

PHARMACOKINETICS

After oral administration, absorption of Albendazole is poor but may be enhanced by a fatty meal. Its principal metabolite albendazole sulfoxide has anthelmintic activity. Albendazole sulfoxide is widely distributed throughout the body. It is about 70% bound to plasma protein. Albendazole sulfoxide is eliminated in the bile and the urine.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

READ THE LEAFLET CAREFULLY BEFORE USE.

FOR MORE INFORMATION, CONSULT YOUR PHYSICIAN.

SHELF LIFE: 36 months from date of manufacturing.

SPECIFICATION: Manufacturer's.

PRESENTATION: Box of 1 blister x 1 chewable tablet.

DO NOT STORE OVER 30°C.

PHARMEDIC JSC: 367 Nguyen Trai Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Manufactured by PHARMEDIC in compliance with GMP - WHO norms
1/67 Nguyen Van Qua Street, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Albifar

viên nhai



CÔNG THỨC

- Albendazol400 mg
- Tá dược: Tinh bột Ngô, Lactose, Povidon, Natri saccharin, Vanilin, Magnesi stearat, Natri lauryl sulfatvừa đủ 1 viên nhai.

CHỈ ĐỊNH

- Trị giun đũa (Ascaris lumbricoides), giun kim (Enterobius vermicularis), giun móc (Necator americanus), giun tóc (Trichuris trichiura)
- Trị giun lươn (Strongyloides stercoralis).

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG

- Trị giun đũa, giun kim, giun móc, giun tóc:
 - Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi: 1 liều duy nhất 400mg.
 - Trẻ em 1-2 tuổi: 1 liều duy nhất 200mg.
 - Trị giun lươn:
 - Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi: 400mg/ lần/ ngày, trong 3 ngày liên tiếp.
 - Trẻ em 1-2 tuổi: 1 liều duy nhất 200mg/ lần/ ngày, trong 3 ngày liên tiếp.
- LƯU Ý: Viên thuốc có thể được nhai hoặc uống với nước. Không cần phải nhịn đói và uống thuốc xổ. Nếu 3 tuần sau khi điều trị đợt đầu, thủ phần còn dương tính có thể điều trị đợt hai.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Người bệnh có tiền sử nhiễm độc tủy xương.
- Phụ nữ có thai.

LƯU Ý - THẬN TRỌNG

- Người bệnh có chức năng gan bất thường.
- Người bị bệnh về máu.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Khi dùng cùng lúc, Praziquantel làm tăng nồng độ trong huyết tương của chất chuyển hóa của Albendazol.

PHỤ NỮ MANG THAI VÀ PHỤ NỮ CHO CON BÚ

- Phụ nữ mang thai: không nên dùng albendazol cho người mang thai trừ những trường hợp bắt buộc phải dùng mà không có cách nào khác. Người bệnh không được mang thai trong thời gian ít nhất một tháng sau khi dùng albendazol. Nếu người bệnh đang dùng thuốc mà lỡ mang thai thì phải ngưng thuốc ngay và hiểu rõ là thuốc có thể gây nguy hại rất nặng cho thai.
- Phụ nữ cho con bú: Còn chưa biết thuốc có tiết vào sữa mẹ ở mức nào. Do đó cần hết sức thận trọng khi dùng albendazol cho phụ nữ cho con bú.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Không có.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Một số rối loạn rất hiếm có thể xảy ra: đau vùng thượng vị, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, nhức đầu, dị ứng da. Các rối loạn này sẽ mất đi ngay khi ngưng dùng thuốc

- * Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUẢ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

Khi bị quá liều cần điều trị triệu chứng (rửa dạ dày) và dùng các biện pháp điều trị nâng đỡ.

ĐƯỢC LỰC HỌC

Albendazol là một dẫn chất benzimidazol có tác động diệt giun sán bằng cách ức chế sự hấp thu glucose, gây rối loạn chuyển hóa và làm cho chúng chết.

ĐƯỢC ĐỘNG HỌC

Sau khi uống, Albendazol được hấp thu kém nhưng sự hấp thu tăng do bữa ăn có nhiều mỡ. Chất chuyển hóa của thuốc là albendazol sulfoxid có hoạt tính diệt trừ giun sán. Albendazol sulfoxid phân bố rộng khắp cơ thể, khoảng 70% gắn kết với protein máu. Albendazol sulfoxid thải trừ qua thận và qua mật.

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NEU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

TIÊU CHUẨN: TCCS.

TRÌNH BÀY: Hộp 1 vỉ x 1 viên nhai.

BẢO QUẢN Ở NHIỆT ĐỘ KHÔNG QUÁ 30°C

CTCP DPDL PHARMEDIC: 367 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại nhà máy GMP - WHO: 1/67 Nguyễn Văn Quà, Q.12, TP.HCM, Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2011

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG



Nguyễn Thị Thúy Vân